

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 49/GPMT-UBND

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 9 năm 2023

SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG  
**ĐẾN** Số: 10  
Ngày: 27/9/23  
Chuyển:  
Số và ký hiệu HS

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét Công văn số 86/VCR ngày 30/8/2023 của Công ty Cổ phần Vincom Retail về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại (sau đây gọi là cơ sở) và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2518/TTr-STNMT ngày 19/9/2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Vincom Retail, địa chỉ Số 7, đường Bằng Lăng 1, khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Việt Hưng, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại tại Số 22, Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 22, Trần Hưng Đạo, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số: 0105850244 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 11/4/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 22 ngày 08/9/2022.





Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh tại tỉnh Sóc Trăng - Công ty Cổ phần Vincom Retail số: 01058502244-021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 14/8/2019, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 26/11/2019.

1.4. Mã số thuế: 0105850244.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Trung tâm thương mại, dịch vụ kết hợp nhà ở thương mại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Tổng diện tích: 9.482,5 m<sup>2</sup>. Trong đó:

+ Diện tích Khu trung tâm thương mại: 3.011 m<sup>2</sup>, bao gồm 4 tầng và 1 tầng hầm.

+ Diện tích Khu nhà ở thương mại (Shophouse): 1.946 m<sup>2</sup>, bao gồm 2 khối nhà, với số lượng 26 căn.

- Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Vincom Retail:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Vincom Retail có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo



quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các thiết bị xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 21 tháng 9 năm 2023 đến ngày 21 tháng 9 năm 2033).

**Điều 4.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Công ty CP Vincom Retail;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND TP. Sóc Trăng;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT *VT*

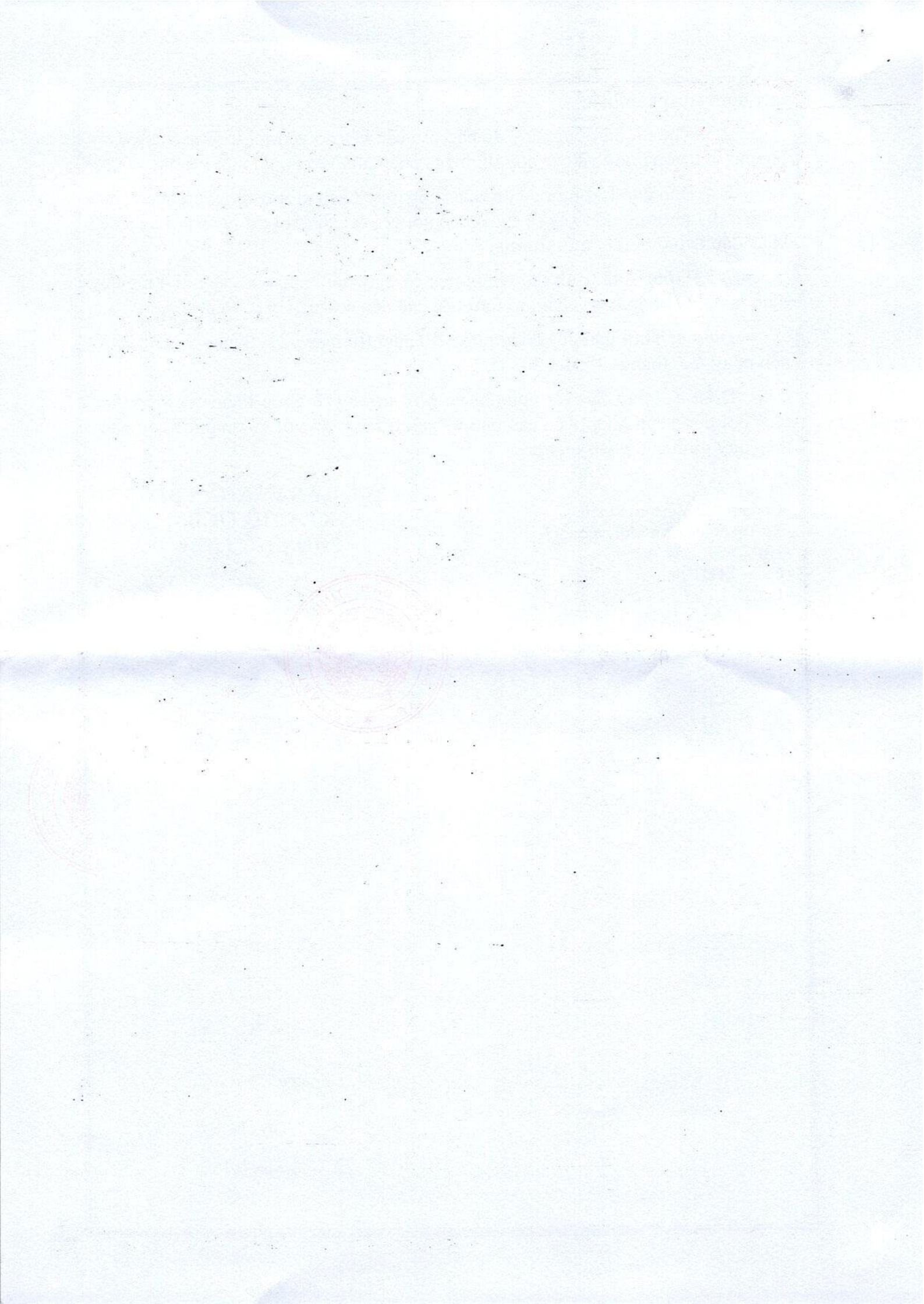
**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Vương Quốc Nam**









**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI**

**1. Nguồn phát sinh nước thải**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải từ khu ẩm thực.
- Nguồn số 03: Nước thải từ các nguồn khác (lavabo, vệ sinh sàn).
- Nguồn số 04: Nước thải từ Xưởng dịch vụ Vinfast.

**2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải**

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước trên đường Lý Tự Trọng, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, sau đó thải ra sông Maspero.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Hồ ga tiếp nhận nước thải trên đường Trần Hưng Đạo (kích thước hồ ga 1,34 m x 1,34 m x 2 m).
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105<sup>o</sup>30', múi chiếu 6<sup>o</sup>): X = 1060989; Y = 551480.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm; 4,583 m<sup>3</sup>/giờ.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Nước thải sau xử lý được bơm tự động (bơm ngầm) vào hồ ga (kích thước 1,34 m x 1,34 m x 2 m) trên đường Trần Hưng Đạo, sau đó tự chảy theo đường cống thoát nước (ống HDPE đường kính D200 - D400, chiều dài 67,8 m) và đầu nối vào hồ ga (kích thước 1,34 m x 1,34 m x 2 m) trên đường Lý Tự Trọng, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng; cuối cùng, thải ra sông Maspero thông qua các tuyến cống thoát nước thải của thành phố Sóc Trăng.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột B, hệ số K = 1,0) và chỉ tiêu tổng dầu mỡ khoáng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, hệ số kq = 0,9, kf = 1,1), cụ thể như sau:



Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ (theo đề xuất của chủ cơ sở)	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH		5 - 9	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		
5	Sunfua (H <sub>2</sub> S)	mg/l	4		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000		
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9,9		

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

#### a) Đối với khu trung tâm thương mại

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh (WC) được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu ẩm thực được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ các nguồn khác (lavabo, vệ sinh sàn) được thu gom, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Nguồn số 04: Nước thải từ Xưởng dịch vụ Vinfast được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ khoáng và bể tách mỡ, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm.



## b) Đối với khu nhà ở thương mại (Shophouse)

Nước thải sinh hoạt khu nhà ở thương mại (Shophouse) được thu gom, xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn tại mỗi căn hộ trước khi thoát ra hệ thống thu gom nước thải (ống nhựa PVC đường kính D200, chiều dài 263,7 m) được bố trí dọc các tuyến đường nội bộ trong khu shophouse, đầu nối vào hố ga (kích thước 1,34 m x 1,34 m x 2 m) trên đường Trần Hưng Đạo, sau đó tự chảy theo đường cống thoát nước (ống HDPE đường kính D200 - D400, chiều dài 67,8 m) và đầu nối vào hố ga (kích thước 1,34 m x 1,34 m x 2m) trên đường Lý Tự Trọng, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng; cuối cùng, thải ra sông Maspero thông qua các tuyến cống thoát nước thải của thành phố Sóc Trăng.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải khu trung tâm thương mại

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải phát sinh từ nguồn số 01 (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tự hoại), nguồn số 02 (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách mỡ), nguồn số 04 (sau khi xử lý sơ bộ qua bể tách dầu mỡ khoáng, bể tách mỡ), nguồn số 03 → Bể điều hòa → Cụm bể xử lý sinh học (bao gồm bể xử lý sinh học thiếu khí và bể xử lý sinh học hiếu khí) → Bể lắng thứ cấp → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước trên đường Lý Tự Trọng, Khóm 1, Phường 2, thành phố Sóc Trăng, sau đó thải ra sông Maspero).

- Công suất thiết kế: 110 m<sup>3</sup>/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: Hợp chất trợ lắng PAC dạng rắn; bột Chlorine.

### 1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

### 1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

#### a) Biện pháp phòng ngừa sự cố nước thải

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ và khắc phục sửa chữa khi phát hiện điểm bất thường của hệ thống xử lý nước thải.

- Trang bị những thiết bị dự phòng để thay thế kịp thời.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo thu gom triệt để lượng nước thải phát sinh.

#### b) Kích bản và phương án ứng phó sự cố

- Ngừng việc đầu nối nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Nước thải được lưu chứa tạm thời tại các bể xử lý, tổng thể tích lưu chứa tại các bể xử lý của hệ thống là 228,83 m<sup>3</sup>, thời gian lưu chứa là 25,9 giờ.

- Điều tra nguyên nhân và tiến hành khắc phục sự cố.

- Sau khi khắc phục sự cố, bơm nước vận hành thử hệ thống xử lý. Nhận biết chất lượng nước bằng cảm quan (màu sắc, độ đục) và kiểm tra, phân tích





một số thông số ô nhiễm thông thường. Trường hợp hệ thống vận hành bình thường và chất lượng nước sau xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép, bơm nước tiếp tục quá trình xử lý, vận hành hệ thống theo các nguyên tắc đã đề ra.

- Khi xảy ra sự cố hệ thống, phải tập trung lực lượng kỹ thuật để khắc phục ngay lập tức, không để sự cố kéo dài trong nhiều ngày.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường; thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường.

3.2. Chuẩn bị nhân lực, trang bị các phương tiện, thiết bị cần thiết để sẵn sàng ứng phó, khắc phục sự cố.

3.3. Công ty Cổ phần Vincom Retail chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc xả nước thải không đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định trước khi xả thải ra môi trường.





## Phụ lục 2

### **BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

##### **1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 02: Khu vực sửa chữa, bảo dưỡng của xưởng dịch vụ Vinfast.
- Nguồn số 03: Khu vực đặt máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $105^{\circ}30'$  múi chiếu  $6^{\circ}$ ):**

- Nguồn số 01: X = 1061380; Y = 551481.
- Nguồn số 02: X = 1061325; Y = 551465.
- Nguồn số 03: X = 1061368; Y = 551514.

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### **3.1. Tiếng ồn**

Stt	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

##### **3.2. Độ rung**

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường



## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Lắp đặt máy móc, thiết bị trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm thiểu tiếng ồn và độ rung.

- Thường xuyên bảo trì các thiết bị tại Dự án để đảm bảo hoạt động tốt, hạn chế tiếng ồn, độ rung.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu, bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.





### Phụ lục 3

## YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

### A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

#### 1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

##### 1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh

Stt	Tên CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	16 01 06	18
2	Pin, ắc quy thải	16 01 12	02
3	Dầu động cơ thải	17 02 03	05
4	Hộp chứa mực in thải	08 02 04	01
5	Giẻ lau bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	03
6	Các linh kiện điện tử thải	16 01 13	05
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	06
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>40</b>

\* Ngoài ra, tại cơ sở có phát sinh pin mặt trời thải (tấm quang năng thải), mã CTNH là 19 02 08, khối lượng phát sinh là 10.557 kg/25 năm.

##### 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường

Stt	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	12 06 13	75.150
2	Dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động thực vật) từ bể tách dầu mỡ	12 06 11	17,8
3	Giẻ lau vệ sinh tấm pin năng lượng	18 02 02	100
<b>Tổng khối lượng</b>			<b>75.267,8</b>





### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Stt	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Rác thải sinh hoạt	1.582,7

## 2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 6,12 m<sup>2</sup>; nền bê tông cốt thép, tường gạch, trần bê tông cốt thép, có cửa khóa kín và biển báo ghi rõ khu vực lưu chứa CTNH và dán nhãn phù hợp với các loại CTNH đang lưu trữ.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 2 m<sup>2</sup>; bố trí khu vực riêng, có kết cấu nền bê tông cốt thép, tường gạch, trần bê tông cốt thép và biển báo ghi rõ Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy.

- Khu vực lưu chứa: Có diện tích 15,87 m<sup>2</sup>; nền bê tông cốt thép, tường gạch, trần bê tông cốt thép, có cửa khóa kín và biển báo ghi rõ khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

## B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất, tràn dầu và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 của Luật Bảo vệ môi trường.



- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.









**Phụ lục 4****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 49/GPMT-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG**

Không có

**D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy theo quy định hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; trong đó, cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; đồng thời, công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.



